

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST

Ngày 16-3-2018

Về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thanh T– sinh năm 1982; trú tại Phòng 308 Chung cư Bộ Đội Biên Phòng – số 33 đường D, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Luật sư: Ông Nguyễn Trường H, Văn phòng luật sư Luật Định thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T.

2. Bị đơn: Anh Trần Đức S – sinh năm 1970; trú tại 11/2B đường M, phường S, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2017 và quá trình tố tụng tại Tòa, chị Ngô Thanh T trình bày: Ngày 17-7-2014, chị Ngô Thanh T và anh Trần Đức S tự thỏa thuận chia tài sản. Anh S có viết giấy thỏa thuận chia tài sản với nội dung chị T để anh S toàn quyền bán các tài sản trong gia đình, anh S đưa lại cho chị T 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Anh S đã đưa cho chị Tuyền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), còn lại 100.000.000đ chị T yêu cầu anh S phải ký “Hợp

đồng vay tiền” tại Phòng Công chứng số 01, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, với nội dung anh Trần Đức S vay của Ngô Thanh T số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Trong Hợp đồng vay tiền này ghi thời hạn vay là 06 tháng, không có lãi suất. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay đã rất nhiều lần chị T đòi nợ nhưng anh S không trả. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Đức S phải trả cho chị Tuyên 100.000.000đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, bị đơn là anh Trần Đức S xác nhận: Ngày 07-01-2014, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã có Quyết định giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn số 04/2014/QĐST-HNGĐ, công nhận cho anh Trần Đức S và chị Ngô Thanh T thuận tình ly hôn. Anh S nuôi con Trần Thanh N, sinh năm 2000, chị T nuôi con Trần Ngọc A, sinh năm 2010, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000 đồng, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Sau khi ly hôn anh S và chị T thỏa thuận, anh S được quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung của vợ chồng, có trách nhiệm giao cho chị T 200.000.000 đồng, do không có đủ tiền nên chỉ đưa cho chị T 100.000.000 đồng, đồng thời viết giấy biên nhận còn lại 100.000.000đ sẽ đưa khi có đủ tiền. Do chị T không đồng ý yêu cầu phải ký “Hợp đồng vay tiền” có xác nhận tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với nội dung anh S vay chị T 100.000.000đ. Sau đó, anh S đã trả cho chị T đủ 100.000.000đ, cụ thể:

Cùng ngày 17-7-2014, đưa 30.000.000đ, chị T có ký nhận.

Ngày 16-10-2014, chuyển khoản 20.000.000đ vào tài khoản của chị T tại Ngân hàng X.

Ngày 20-4-2016, chuyển tiếp số tiền 50.000.000đ tại Ngân hàng TMCP A

Tại phiên tòa, anh Trần Đức S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

- Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và các đương sự tuân theo quy định của pháp luật.

+ Tại phiên xét xử: Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự tuân theo quy định của pháp luật

+ Về nội dung: đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn về đòi trả số nợ vay là 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, lời bào chữa của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Tuyên và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Đức S trả tiền vay theo hợp đồng vay tiền đã ký kết nên xác định quan hệ tranh

chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh S đang sinh sống tại thành phố Vũng Tàu, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

[2] Về nội dung:

Ngày 17-7-2017, chị Ngô Thanh T và anh Trần Đức S ký kết hợp đồng vay tiền thể hiện: chị T cho anh S vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Theo anh S đã trả đủ cho chị T nên không đồng ý trả nữa dẫn đến tranh chấp tại Tòa ngày hôm nay.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Tyêu cầu Tòa án buộc anh S phải trả nợ 100.000.000 đồng.

[2.1] Về chứng cứ chứng minh: Để chứng minh cho yêu cầu của mình chị T cung cấp hợp đồng vay tiền ngày 17-7-2017 đã được Phòng công chứng số 1 tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu chứng thực cùng ngày. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh S không có ý kiến gì đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ Điều 91 và 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

[2.2] Theo anh S, mặc dù vợ chồng đã thỏa thuận chị T nuôi cháu A, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng để có chị và em nên anh S là người trực tiếp nuôi cháu A chứ không phải là chị T, nhưng do cháu A hay bệnh nên có tháng chị T là người phải chăm sóc cho con, tháng chị T nuôi con thì anh S cấp dưỡng nuôi con bằng việc đưa tiền trực tiếp cho chị T hoặc chuyển vào tài khoản của chị T. Các chứng từ anh cung cấp cho Chi cục Thi hành án Dân sự TP Vũng Tàu là chứng từ trả tiền vay cụ thể: giấy chuyển tiền ngày 20-4-2016 số tiền 50.000.000 đồng, ngày 16-10-2014 số tiền 20.000.000 đồng và ngày 17-7-2014 số tiền 30.000.000 đồng, còn các giấy chuyển tiền ngày 22-11-2016 số tiền 5.000.000 đồng, ngày 23-3-2016 số tiền 5.000.000 đồng, ngày 15-12-2016 số tiền 1.000.000 đồng, , ngày 11-10-2016 số tiền 5.000.000 đồng, , ngày 20-8-2014 số tiền 5.000.000 đồng, ngày 20-9-2016 số tiền 11.000.000 đồng, ngày 31-8-2016 số tiền 5.000.000 đồng là số tiền cấp dưỡng trong những thời gian con ở với chị T.

Tại biên bản hòa giải ngày 05-12-2017, anh S và chị T xác nhận: sau khi ly hôn anh S là người nuôi hai con đến khoảng tháng 4 năm 2017 thì chị T mới là người nuôi 02 con. Tại phiên tòa ngày 24-01-2018 lại xác nhận, sau khi ly hôn từ tháng 3/2014 đến tháng 9/2017, con ở với chị T, chị T cho con học Trường tiểu học tư thục tại TP Hồ Chí Minh, con ở với anh S thì anh S cho con học tại Trường tiểu học Song Ngữ Vũng Tàu.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Từ tháng 3/2014 đến tháng 9/2017 thì: anh S và chị T có mối quan hệ nghĩa vụ liên quan nhau về cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Ngọc A, sinh năm 2010 và trả số tiền 100.000.000 đồng, ngoài ra không còn nghĩa vụ nào khác. Các biên nhận chuyển tiền do anh S cung cấp khi

chuyển tiền anh S không xác nhận số tiền nào trả nợ, số tiền nào cấp dưỡng nuôi con nên Quyết định số 1462/QĐ-CCTHADS ngày 08-5-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, đã quyết định thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con từ tháng 3/2014 đến tháng 9/2017 là 129.000.000 đồng là theo xác nhận của chị T không có ý kiến của anh S (biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 08-5-2017). Nhưng tổng số tiền mà anh S chuyển vào tài khoản của chị T là 137.000.000 đồng và tại phiên tòa ngày hôm nay, hai bên đương sự vẫn xác nhận: có tháng anh S nuôi con, có tháng chị T nuôi con nhưng chị T không có chứng cứ chứng minh được chị nuôi con trong thời gian nào, anh S chứng minh được là biên bản xác nhận của Trường tiểu học Song Ngữ Vũng Tàu trong các tháng cháu Trần Ngọc A học tại trường, cụ thể năm học 2014-2015: Từ tháng 3/2014 – 5/2014, năm 2014 - 2015: Từ 01/2015 – 4/2015, năm học 2015 – 2016: Từ 8/2015 – 10/2015, năm học 2016 – 2017: Từ 8/2016 – 3/2017, như vậy trong 4 năm tính từ sau thời gian vợ chồng ly hôn thì anh S nuôi con được 17 tháng. Để bảo đảm quyền, nghĩa vụ các bên nên tính trừ các tháng anh S nuôi con thì không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nữa. Do đó, tính cụ thể như sau: 17 tháng x 3.000.000 đồng = 51.000.000 đồng và 8.000.000 đồng chị T đã nhận chưa tính vào việc cấp dưỡng nuôi con. Buộc anh S phải trả cho chị T số tiền 41.000.000 đồng {100.000.000 đồng – [51.000.000 đồng + 8.000.000 đồng]} là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị T không được chấp nhận số tiền 59.000.000 đồng nên chị T phải nộp án phí, được tính như sau 59.000.000 đồng x 5% = 2.950.000 đồng, trừ 2.500.000 đồng nên chị T phải nộp thêm 450.000.000 đồng. Anh S phải nộp 2.050.000 đồng được tính như sau: (41.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thanh T đối với anh Trần Đức S.

Buộc anh Trần Đức S phải trả cho chị Ngô Thanh T số tiền 41.000.000đ (Bốn mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Đức S phải nộp 2.050.000đ (Hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

- Chị Ngô Thanh T phải nộp 2.950.000 đồng(Hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng nhưng được trừ số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009168 ngày 28-9-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, chị T phải nộp thêm số tiền 450.000 đồng(Bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT ;
- Viện kiểm sát ND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Trúc

